

Ngày thi: 14/01/2012

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10	10		25					55	100			
1	172354179	Nguyễn Ngọc Mai	Anh	B17QTC1	9		9.5		8					9	8.8	Tam pháp Tam	
2	172354181	Trần Thị	Bích	B17QTC1	10		10		7.5					9.2	8.9	Tam pháp Chèn	
3	172354182	Nguyễn Văn	Bửu	B17QTC1	10		9.5		7.5					10	9.3	Chèn pháp Ba	
4	172354190	Nguyễn Thị Diệu	Hà	B17QTC1	10		6		7					7.9	7.7	Bảy pháp Bảy	
5	172354194	Hà Quang	Hiều	B17QTC1	9		10		6					9.5	8.6	Tam pháp Sáu	
6	172354195	Trương Nghĩa	Hiếu	B17QTC1	0		0		0					V	0.0	Khăng	
7	172354200	Lê Thị	Huệ	B17QTC1	9		9		7					7.5	7.7	Bảy pháp Bảy	
8	172354207	Mai Thị Hoài	Hương	B17QTC1	10		10		7.5					8.5	8.6	Tam pháp Sáu	
9	172354212	Nguyễn Hải	Lâm	B17QTC1	9		10		7					9.5	8.9	Tam pháp Chèn	
10	172354213	Lê Thị Bích	Liên	B17QTC1	10		8.5		8					9.5	9.1	Chèn pháp Mũi	
11	172354214	Trần Hồng	Liên	B17QTC1	5		0		7					7.9	6.6	Sáu pháp Sáu	
12	172354216	Trần Thị Thanh	Loan	B17QTC1	10		10		7					9.1	8.8	Tam pháp Tam	
13	172354221	Đào Thị Thúy	Mùi	B17QTC1	10		10		8					9.5	9.2	Chèn pháp Hai	
14	172354227	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	B17QTC1	10		10		7					8	8.2	Tam pháp Hai	
15	172354229	Trần Thị Thảo	Nguyên	B17QTC1	9		6		8					8.3	8.1	Tam pháp Mũi	
16	172354235	Huỳnh Thị Tuyết	Nhung	B17QTC1	9		7		8					V	0.0	Khăng	
17	172354236	Phan Đoàn Kim	Nhung	B17QTC1	9		10		7.5					9.2	8.8	Tam pháp Tam	
18	172354244	Lê Duy Nữ Diễm	Phương	B17QTC1	10		10		8					9	9.0	Chèn	
19	172354245	Lê Thị Mai	Phương	B17QTC1	10		7		7.5					9.2	8.6	Tam pháp Sáu	
20	172354246	Nguyễn Ngọc Hồng	Phương	B17QTC1	7		7		7.5					9.5	8.5	Tam pháp Năm	
21	172354248	Nguyễn Thanh	Phương	B17QTC1	9		3.5		7					10	8.5	Tam pháp Năm	
22	172354249	Nguyễn Thị Mai	Phương	B17QTC1	10		6		7.5					8.9	8.4	Tam pháp Bốn	
23	172354251	Dương Lê	Quang	B17QTC1	7		7		8					8.8	8.2	Tam pháp Hai	
24	172354253	Đinh Thị Như	Quỳnh	B17QTC1	10		10		9					9.5	9.5	Chèn pháp Năm	
25	172354256	Nguyễn Thị Đàm	Sen	B17QTC1	10		10		8					7.2	8.0	Tam	
26	172354257	Nguyễn Thái	Sơn	B17QTC1	10		7		7					9.2	8.5	Tam pháp Năm	
27	172354262	Huỳnh Văn	Tấn	B17QTC1	9		9.5		8.5					10	9.5	Chèn pháp Năm	
28	172354263	Nguyễn Tiến	Thành	B17QTC1	10		5.5		7					7.3	7.3	Bảy pháp Ba	
29	172354273	Phan Lê Minh	Thúy	B17QTC1	10		10		7.5					9.5	9.1	Chèn pháp Mũi	
30	172354278	Nguyễn Thị Diệu	Thy	B17QTC1	10		7		7.5					9.2	8.6	Tam pháp Sáu	
31	172354281	Lê Thị	Tinh	B17QTC1	10		6.5		6.5					7.1	7.2	Bảy pháp Hai	
32	172354284	Nguyễn Thị Đài	Trang	B17QTC1	10		9		7					9.5	8.9	Tam pháp Chèn	
33	172354285	Nguyễn Thu	Trang	B17QTC1	9		10		7.5					10	9.3	Chèn pháp Ba	
34	172354286	Trần Thị Minh	Trang	B17QTC1	10		10		7					9.8	9.1	Chèn pháp Mũi	
35	172354290	Võ Thị Bích	Trâm	B17QTC1	10		10		7					9.8	9.1	Chèn pháp Mũi	
36	172354292	Nguyễn Văn	Trường	B17QTC1	9		8		7.5					9.5	8.8	Tam pháp Tam	
37	172354297	Nguyễn Thị	Vân	B17QTC1	10		10		7					7.3	7.8	Bảy pháp Tam	
38	172354298	Nguyễn Thị Bích	Vân	B17QTC1	9		10		7.5					10	9.3	Chèn pháp Ba	
39	172354299	Trương Thị Bích	Vân	B17QTC1	10		10		8					9.5	9.2	Chèn pháp Hai	
40	172354301	Lê Thị Hà	Vinh	B17QTC1	9		7.5		5					6.2	6.3	Sáu pháp Ba	
41	172354184	Phạm Thị Minh	Châu	B17QTC2	7		0		7					8.9	7.3	Bảy pháp Ba	
42	172354186	Nguyễn Hùng	Cường	B17QTC2	0		0		0					V	0.0	Khăng	
43	172354189	Nguyễn Lâm	Hà	B17QTC2	10		10		7.5					9.5	9.1	Chèn pháp Mũi	
44	172354192	Dương Thị Thu	Hiền	B17QTC2	10		8.5		8					9	8.8	Tam pháp Tam	
45	172354201	Nguyễn Thị Kim	Huệ	B17QTC2	9		0		7					6.5	6.2	Sáu pháp Hai	
46	172354204	Đào Thị	Huyền	B17QTC2	10		4		7					7.8	7.4	Bảy pháp Bốn	

Ngày thi: 14/01/2012

ST T	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10	10	25						55	100			
47	172354206	Đỗ Lan Hương	B17QTC2	10		10		7.5					5	6.6	Sau phép Sau	
48	172354208	Nguyễn Thị Hương	B17QTC2	9		10		7.5					9.5	9.0	Chèn	
49	172354209	Trần Thị Minh Hương	B17QTC2	10		10		8					9.5	9.2	Chèn phép Hai	
50	172354210	Trần Thị Duyên Khánh	B17QTC2	10		7		7.5					8.8	8.4	Tam phép Bốn	
51	172354211	Nguyễn Thị Phương Lan	B17QTC2	7		5		5.5					7.6	6.8	Sau phép Tam	
52	172354220	Đàm Thị Ánh Ly	B17QTC2	10		9		7.5					9.5	9.0	Chèn	
53	172354223	Trần Thị Lê Na	B17QTC2	10		10		7					9.5	9.0	Chèn	
54	172354224	Bùi Thị Kim Ngân	B17QTC2	10		8		7					9.6	8.8	Tam phép Tam	
55	172354228	Hồ Bách Thu Nguyên	B17QTC2	10		8		7.5					7	7.5	Baý phép Năm	
56	172354230	Võ Thị Thảo Nguyên	B17QTC2	9		5		7					9.3	8.3	Tam phép Ba	
57	172354231	Trần Thị Như Nguyễn	B17QTC2	10		10		8					9.3	9.1	Chèn phép Sáu	
58	172354238	Hồ Thị Oanh	B17QTC2	10		5		7.5					6.3	6.8	Sau phép Tam	
59	172354240	Trần Hoàng Oanh	B17QTC2	9		4.5		8					V	0.0	Kháng	
60	172354241	Trần Thị Hồng Oanh	B17QTC2	9		7.5		8					5.4	6.6	Sau phép Sau	
61	172354247	Nguyễn Ngọc Minh Phương	B17QTC2	5		7		6.5					5.6	5.9	Năm phép Chèn	
62	172354252	Đặng Phú Quốc	B17QTC2	10		5.5		7					9	8.3	Tam phép Ba	
63	172354254	Hồ Bảo Như Quỳnh	B17QTC2	10		10		7					9.8	9.1	Chèn phép Sáu	
64	172354258	Nguyễn Thị Bình Sơn	B17QTC2	10		10		7					9.5	9.0	Chèn	
65	172354259	Nguyễn Thị Thu Sương	B17QTC2	9		5		8					8.1	7.9	Baý phép Chèn	
66	172354260	Trần Thị Thanh Tâm	B17QTC2	10		8		7.5					9	8.6	Tam phép Sau	
67	172354261	Trần Thị Thanh Tâm	B17QTC2	9		9		8.5					8.8	8.8	Tam phép Tam	
68	172354266	Lê Thị Thảo Thảo	B17QTC2	10		10		7					9.5	9.0	Chèn	
69	172354267	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	B17QTC2	10		7		7.5					8.5	8.3	Tam phép Ba	
70	172354268	Võ Thị Diệu Thảo	B17QTC2	9		6		7					9	8.2	Tam phép Hai	
71	172354270	Hoàng Thị Yến Thu	B17QTC2	9		9		7.5					9	8.6	Tam phép Sau	
72	172354274	Nguyễn Thị Thuyết	B17QTC2	7		9.5		6					9.3	8.3	Tam phép Ba	
73	172354276	Phan Xuân Anh Thư	B17QTC2	10		10		7.5					V	0.0	Kháng	
74	172354277	Trần Huỳnh Anh Thư	B17QTC2	10		9		8					10	9.4	Chèn phép Bốn	
75	172354279	Mai Quỳnh Tiên	B17QTC2	10		10		7					8.8	8.6	Tam phép Sau	
76	172354283	Nguyễn Mai Huyền Trang	B17QTC2	9		0		0					1.9	0.0	Kháng	
77	172354287	Trần Thị Quỳnh Trang	B17QTC2	9		10		7.5					8.8	8.6	Tam phép Sau	
78	172354288	Kiều Phan Ngọc Trâm	B17QTC2	10		10		7.5					8.8	8.7	Tam phép Baý	
79	172354295	Đỗ Thị Ngọc Vân	B17QTC2	7		2		8					6.4	6.4	Sau phép Bốn	
80	172354300	Nguyễn Trương Dã Viên	B17QTC2	10		8		7					9.5	8.8	Tam phép Tam	
81	172354180	Đào Ngọc Hải Âu	B17QTC3	10		7		9					9.8	9.3	Chèn phép Ba	
82	172354183	Nguyễn Thị Châu	B17QTC3	7		5		6.5					8.3	7.4	Baý phép Bốn	
83	172354185	Trần Thụy Minh Châu	B17QTC3	7		6.6		8					9.5	8.6	Tam phép Sau	
84	172354188	Trần Minh Dũng	B17QTC3	0		0		0					V	0.0	Kháng	
85	172354191	Lê Nguyên Hạnh	B17QTC3	10		7.5		7.5					10	9.1	Chèn phép Sáu	
86	172354193	Nguyễn Thị Diệu Hiền	B17QTC3	0		0		0					V	0.0	Kháng	
87	172354196	Võ Thị Hiếu	B17QTC3	1		0		0					V	0.0	Kháng	
88	172354198	Nguyễn Phan Minh Hoài	B17QTC3	10		7.5		7.5					9.5	8.9	Tam phép Chèn	
89	172354202	Trần Hoàng Huệ	B17QTC3	10		8.5		8					9.8	9.2	Chèn phép Hai	
90	172354203	Trần Nguyễn Minh Huy	B17QTC3	0		0		0					V	0.0	Kháng	
91	172354205	Đoàn Thị Thanh Huyền	B17QTC3	10		9		7					9.3	8.8	Tam phép Tam	
92	172354215	Lê Nguyễn Bích Loan	B17QTC3	10		3.3		7					7.1	7.0	Baý	

Ngày thi: 14/01/2012

ST T	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10	10		25					55	100			
93	172354217	Nguyễn Thị Mỹ Lợi	B17QTC3	10		9.3	7					10	9.2	Chen pháp Hai		
94	172354219	Nguyễn Xuân Mai	B17QTC3	7		7.5	7					8.9	8.1	Tam pháp Mâu		
95	172354222	Nguyễn Thị Diễm My	B17QTC3	9		3	7					9	7.9	Baý pháp Chen		
96	172354225	Dương Thị Nghĩa	B17QTC3	4		0	0					V	0.0	Khang		
97	172354226	Lê Thị Cát Ngọc	B17QTC3	4		6.5	4					8.6	6.8	Sau pháp Tam		
98	172354232	Huỳnh Thị Hải Nguyệt	B17QTC3	10		8	0					8.6	6.5	Sau pháp Nam		
99	172354233	Nguyễn Hương Nhi	B17QTC3	10		3.5	7					8.3	7.7	Baý pháp Baý		
100	172354234	Phan Thị Ý Nhi	B17QTC3	7		0	0					V	0.0	Khang		
101	172354237	Trần Thị Hồng Nhung	B17QTC3	7		6.5	7					9.8	8.5	Tam pháp Nam		
102	172354239	Phan Minh Thu Oanh	B17QTC3	7		7.5	6.5					9.5	8.3	Tam pháp Ba		
103	172354243	Đậu Nguyễn Kiến Phúc	B17QTC3	1		3.5	0					V	0.0	Khang		
104	172354250	Trương Thị Mỹ Phượng	B17QTC3	9		8.5	5					9.5	8.2	Tam pháp Hai		
105	172354255	Trần Sang	B17QTC3	10		3.5	7.5					8.5	7.9	Baý pháp Chen		
106	172354264	Nguyễn Trung Thành	B17QTC3	7		9	7.5					10	9.0	Chen		
107	172354265	Lâm Thị Thảo	B17QTC3	10		3	8					6.5	6.9	Sau pháp Chen		
108	172354271	Trương Thị Bích Thủy	B17QTC3	10		5.5	7.5					9	8.4	Tam pháp Báu		
109	172354272	Lê Thị Thanh Thúy	B17QTC3	0		0	7					3.1	0.0	Khang		
110	172354275	Lê Thị Anh Thư	B17QTC3	7		7.6	7					8.8	8.1	Tam pháp Mâu		
111	172354280	Nguyễn Lưu Tiên	B17QTC3	7		6	6.5					9	7.9	Baý pháp Chen		
112	172354289	Trần Thị Minh Trâm	B17QTC3	7		8.5	7					10	8.8	Tam pháp Tam		
113	172354291	Đào Trục	B17QTC3	6		6.5	8					9	8.2	Tam pháp Hai		
114	172354293	Hồ Thị Thanh Tuyền	B17QTC3	10		1	7.5					9.3	8.1	Tam pháp Mâu		
115	172354294	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	B17QTC3	10		6.9	7					10	8.9	Tam pháp Chen		
116	172354302	Hứa Đình Anh Vũ	B17QTC3	4		5	6.5					V	0.0	Khang	Hoan thi	
117	172354303	Hồ Thị Vui	B17QTC3	10		7.5	8.5					8.6	8.6	Tam pháp Sau		
118	172354304	Thái Thị Bảo Vy	B17QTC3	10		8.8	7.5					9.5	9.0	Chen		
119	172354305	Trần Thị Hải Yến	B17QTC3	4		7.5	7					8.5	7.6	Baý pháp Sau		
120	162310411	Võ Xuân Quỳnh	B17QTC3	7		0	0					V	0.0	Khang		

**BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU**

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	104	87%	
2	Số sinh viên nợ	16	13%	
<b>TỔNG CỘNG :</b>		<b>120</b>	<b>100%</b>	

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2012

**LẬP BẢNG**

**KIỂM TRA**

**GIÁM ĐỐC TT ĐÀO TẠO BẢNG 2**

**PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH**

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

**Nguyễn Kim Đức**

**Phạm Hồng Phương**

**Hồ Hà Đông**

**ThS. Nguyễn Hữu Phú**